TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – AN GIANG** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 73/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2026
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Ức và ông Nguyễn Thành Lil

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 361/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Ngọc A, sinh năm 1996; địa chỉ Ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long; CCCD: 084196002161.

Bị đơn: Ông Trương Văn Quốc H, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp P, xã N, tỉnh An Giang; CCCD: 089096021410.

(Bà Ngọc A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Thạch Thị Ngọc A trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông Trương Văn Quốc H tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2023 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 109, ngày 06/11/2023.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H dùng lời lẽ thô tục xúc phạm bà, thậm chí còn đánh bà. Tháng 7/2025 thì bà và ông H ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên có hàn gắn nhưng không được. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm bà Ngọc A và ông H không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ngọc A yêu cầu ly hôn với ông H. Việc bà ly hôn thì ông H cũng biết và đồng ý nhưng do bận đi làm không đến Tòa án được.

Về con chung: Bà và ông H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông H vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, đương sự thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2025, người thân bà Ngọc A cung cấp: Bà và ông H tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân năm 2023, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, ông H thường dùng những lời lẽ không hay xúc phạm bà Ngọc A, thậm chí còn đánh, bà Ngọc A bỏ nhà đi nơi khác sống và hai người đã ly thân từ 7/2025 cho đến nay. Theo bà khả năng hàn gắn của bà Ngọc A là ông H là không thể, do cả hai không có ý định hàn gắn; bà Ngọc A và ông H sống chung nhưng không có con; về tài sản chung, nợ chung thì bà không biết.

Biên bản xác minh ngày 25/02/2026 do Công an xã N cung cấp, Trương Văn Quốc H, sinh năm 1996, hiện đăng ký thường trú tại ấp P, xã N, tỉnh An Giang;

Tại phiên toà: Bà Ngọc A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của bà Ngọc A, ông H mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngọc A theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đương sự xác định không có con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Thạch Thị Ngọc A yêu cầu được ly hôn với ông Trương Văn Quốc H. Ông H cư trú tại xã N, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Ngọc A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngọc A, ông H theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự thể hiện: Bà Ngọc A, ông H do tự tìm hiểu, yêu thương tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 06/11/2023 nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà Ngọc A xin ly hôn với ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Ngọc A, ông H phát sinh từ lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn nên mới sống ly thân. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng ông H không có mặt, điều đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này là phù hợp với lời trình bày của người thân trong gia đình bà Ngọc A, nên yêu cầu ly hôn của bà Ngọc A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Đương sự xác định không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Ngọc A xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì các đương sự có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Ngọc A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Ngọc A được ly hôn với ông Trương Văn Quốc H.

Về án phí: Bà Thạch Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà Thạch Thị Ngọc A đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang theo biên lai thu số: 0010702 ngày 02/12/2025. Ông Trương Văn Quốc H không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND KV15 – An Giang (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Phòng THADS KV15 – An Giang;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Chúc Phương